

LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG HÀ NỘI

NGUYỄN TRỌNG TUẤN*

Hà Nội nằm ở trung tâm của đồng bằng Bắc Bộ với vị trí địa lý tự nhiên thuận lợi. Hà Nội sớm có vai trò đặc biệt trong sự hình thành và phát triển các làng nghề truyền thống của dân tộc Việt Nam. Theo số liệu của Cục thống kê Hà Nội, ngay từ năm 2000, Hà Nội có diện tích 920,97 km² gồm 220 phường, xã và 8 thị trấn với mật độ dân số bình quân 2.993 người/km², nội thành là 17.489 người/km², ngoại thành là 1533 người/km². Việc thay đổi cơ cấu và địa giới hành chính theo xu hướng hiện nay đã và đang có nhiều tác động không nhỏ đến sự biến động về quy mô và cơ cấu của nguồn nhân lực Hà Nội.

Cùng với cả nước đang chuyển mình từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Hà Nội đã và đang vươn lên để xứng đáng là trung tâm văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Với cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, Hà Nội đang có những tiến bộ nhất định trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế làm cơ sở cho chuyển dịch cơ cấu lao động.

Hà Nội có nhiều nghề truyền thống có giá trị kinh tế cao, thu hút nhiều lao động phổ thông như: mây tre, đan lát, gốm sứ, thêu ren, khảm trai, làm đồ ăn như cốm làng Vòng, bánh cuốn Thanh Trì, bánh dầy Quán Gánh... Đây là những ngành nghề cần nhiều lao động thủ công.

Trải qua sự biến đổi của lịch sử, nghề truyền thống ở Hà Nội vẫn tồn tại và phát triển, có tiếp thu chọn lọc về văn hóa cũng như kinh nghiệm từ nơi khác, tạo nên nét đặc thù riêng có cho mình. Các sản phẩm của nghề truyền thống đã được thị trường trong nước và ngoài nước ưa chuộng. Qua nhiều thế hệ, với

* Nghiên cứu viên. Văn phòng 1000 năm Thăng Long; UBND thành phố Hà Nội.

công nghệ truyền thống và kỹ năng, kỹ xảo của các nghề nhân mà nhiều sản phẩm đã trở thành niềm tự hào của dân tộc.

Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của cả nước. Hà Nội hiện có 37 trường Đại học, Cao đẳng, 34 trường trung học chuyên nghiệp, 41 trường dạy nghề, hơn 112 viện nghiên cứu chuyên ngành, ngoài ra còn có gần 800 văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế, các cá nhân người nước ngoài. Đây là hệ thống hạ tầng cơ sở tác động trực tiếp tới quá trình hình thành và phát triển lực lượng lao động, tạo điều kiện cho Hà Nội hoà nhập vào quá trình phát triển của cả nước và các nước trong khu vực.

I. Đôi nét về lịch sử nghề truyền thống Hà Nội trong truyền thống làng nghề ở Việt Nam.

Nghề truyền thống trên địa bàn Hà Nội nói riêng, của Việt Nam nói chung từng tồn tại và phát triển lâu đời trong lịch sử, nó đã thực sự góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc. Truyền thống văn hóa ấy, đang là niềm tự hào của dân tộc ta qua các thế hệ, đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đó là những thành tựu văn hóa, khoa học kỹ thuật với những sản phẩm, công cụ, kinh nghiệm sản xuất còn lưu truyền đến ngày nay.

Thời Phùng Nguyên: Khoảng thiên niên kỷ thứ III trước công nguyên, người Việt cổ đã phát minh sáng chế ra hầu hết các kỹ thuật chế tác đá, sản xuất gốm mà đến ngày nay vẫn được sử dụng rộng rãi như khoan, mài đá, đặc biệt là kỹ thuật khoan đồng tâm từ hai phía và kỹ thuật đánh bóng đồ trang sức bằng đá.

- Thời Đông Sơn: Từ gần 3000 năm, người Việt Đông Sơn dường như đã nắm vững đặc tính, công dụng của hầu hết các loại hợp kim chủ yếu thời cổ đại, đã phát minh ra công thức đồng thau, đồng thanh. Trống đồng Đông Sơn là một trong những sản phẩm độc đáo của nghề đúc đồng đương thời. Lúc bấy giờ nông nghiệp khá phát triển, tạo điều kiện cho nghề thủ công mở rộng.

- Trong thời Bắc thuộc: Do chính sách đồng hóa triệt để, các dấu tích lịch sử về nghề truyền thống và lịch sử văn hóa dân tộc, nói chung còn lại rất mờ nhạt. Nghề truyền thống Việt Nam mặc dầu bị cấm đoán, kìm hãm nhưng vẫn có bước phát triển nhất định trên cơ sở nông nghiệp và thiết chế làng quê. Vào thời này, đồ sắt đã chiếm vị trí chi phối. Công cụ sản xuất và các vật dụng trong gia đình phần nhiều bằng sắt. Nhà Hán đặt chức “thiết quan” trông coi việc thu thuế sắt. Cùng với sự phát triển của kinh tế nông nghiệp, nhiều ngành truyền thống mới xuất hiện. Nghề luyện đồng, luyện sắt, nghề làm gốm, sản xuất các vật liệu xây dựng, nghề trồng dâu nuôi tằm, dệt vải... có bước phát triển đáng kể. Quá trình giao lưu kinh tế - văn hóa với các nước xung quanh cũng góp phần thúc đẩy công nghệ sản xuất, nổi bật là nghề làm giấy, nghề chế tạo thủy tinh, nghề xây dựng, nghề mộc... đã có những sản phẩm tinh xảo. Sử cũ còn ghi: Lái buôn của Trung Quốc sang Giao Chỉ (chỉ Việt Nam) mua giấy, trầm hương, Vua Tấn (cuối thế kỷ III) sai quan lại dùng giấy này để chép các sách Xuân Thu, Kinh truyện. Vào thế kỷ IV, trên cơ sở tiếp thu kỹ thuật Ấn Độ,

người Việt đã nâng cao nghề thủy tinh, thổi được những bình, bát nhiều màu sắc. Nghề đóng thuyền, nghề xây dựng nhà cửa cũng khá phát triển. Người thợ thủ công Việt Nam lúc bấy giờ đã có trình độ kỹ thuật và mỹ thuật cao. Dưới thời nhà Ngô đô hộ, hàng nghìn thợ thủ công Việt Nam bị bắt đưa sang Trung Quốc để xây dựng kinh đô Kiến Nghiệp (Nam Kinh).

Những tư liệu về nghề truyền thống tổ chức sản xuất thời bấy giờ để lại quá nghèo nàn. Dựa vào các nguồn tư liệu dân tộc học, khảo cổ học thì cũng chỉ thấy trong thời Bắc thuộc nhân dân ta cũng duy trì các nghề. Các nghề làm đá, đan lát, đúc đồng vẫn được duy trì và mở rộng. Nhiều khả năng các nghề giấy, dệt đã hình thành xung quanh Long Biên, Đại La (Hà Nội). Các phường Hồ Khẩu, Yên Thái có thờ tổ sư nghề là Thái Luân, người chế tạo ra giấy đầu tiên vào thời Hán Hoà đế (khoảng cuối thế kỷ I sau CN), do vậy có khả năng đây là làng nghề chuyên làm giấy có từ thời Bắc thuộc. Ngoài ra, ở dọc sông Hồng cũng có khả năng xuất hiện nghề mộc phục vụ cho các công trình xây dựng chùa, miếu, đình thự ...

- Vào thời kỳ Lý - Trần (thế kỷ X - XIV) là thời kỳ độc lập tự chủ, đất nước mới thực sự phục hưng. Đời sống kinh tế, xã hội phát triển rực rỡ. Vì thế, đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho các nghề thủ công truyền thống phát triển cả về chất lượng và chủng loại. Nghề truyền thống và thương nghiệp thời Lý - Trần phát triển mạnh. Nổi bật nhất là nghề dệt ở vùng Thăng Long, nghề gốm ở Bát Tràng, nghề đúc đồng, nghề đục đá, nghề làm giấy, nghề xây dựng, nghề khắc bản in... Sự phát triển nông nghiệp, nghề truyền thống cũng đã kích thích buôn bán. Một tầng lớp thương nhân giàu có xuất hiện đồng thời với sự ra đời của các Trung tâm thương nghiệp lớn như Thăng Long, Văn Đồn, Cửa Cờn, Cửa Hội...

Vào thời này, nghề truyền thống hình thành hầu khắp mọi miền đất nước, từ kinh đô Thăng Long đến các vùng Yên Quảng (Quảng Ninh) và Thanh Hoá, Nghệ An, làng dệt Nghi Tàm của vùng Thăng Long và làng gốm Bát Tràng (xứ Kinh Bắc xưa và Hà Nội ngày nay) là tiêu biểu nhất cho các làng nghề thời Lý - Trần.

- Vào thời kỳ Hậu Lê: Đến nhà Nguyễn, mạng lưới nghề có bước tiến nhanh mạnh. Sự phục hồi và phát triển của nông nghiệp và nghề truyền thống, thương nghiệp tạo điều kiện cho nghề lớn mạnh và xuất hiện nhiều hơn. Các nghề dệt, nê, mộc, gốm, rèn... đã có từ thời Lý - Trần vẫn duy trì và phồn vinh hơn. Ở hầu khắp các tỉnh xuất hiện thêm nhiều nghề dệt, tơ lụa, thêu, may mặc, làm muối, nấu rượu, làm gốm, làm tên nỏ, nhuộm vải, thuộc da, khai thác đá, điêu khắc đá, nghề làm giấy, làm hương liệu. Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi thì thời kỳ này cả vùng đồng bằng sông Hồng có hàng trăm làng nghề, riêng nghề dệt đã có tới khoảng 20 làng, tập trung chủ yếu ở khu vực ven Hồ Tây (Hà Nội) và các làng La (Hà Tây). Các nghề nổi tiếng như đúc đồng Ngũ Xã (Hà Nội), vàng bạc Châu Khê (Hải Dương), chạm bạc Đồng Xâm (Thái Bình), nghề rèn Hòe Thị (Hà Nội), giấy dó Yên Thái - Bưởi (Hà Nội), giấy sắc Nghĩa Đô (Hà Nội), làng sắt Đa Hội (Bắc Ninh), nhuộm Đa Loan (Hải Dương), dát vàng quỳ Kiều Ky (Hà Nội)... đã xuất hiện vào thời kỳ này.

- Thời kỳ thuộc Pháp (cuối thế kỷ IX và đầu thế kỷ XX): Nghề thủ công truyền thống và các nghề, một mặt bị cạnh tranh bởi các cơ sở công nghiệp lớn hiện đại do Pháp đưa vào xây dựng mới các hàng hóa ngoại nhập (từ chính quốc và các nước tư bản phát triển), nhưng mặt khác nó cũng được chính quyền thực dân khuyến khích phát triển, thông qua việc đưa sản phẩm truyền thống Việt Nam sang Pháp và một số nước khác tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm; tổ chức hội chợ, triển lãm tại Hà Nội, mở một số trường dạy nghề, hoặc thưởng "danh dự bội tinh" cho các nghệ nhân. Một số nghề truyền thống và làng nghề không còn thích ứng với nhu cầu thị trường đã bị mai một, thất truyền, nhưng một số khác còn có nhu cầu hoặc biết thay đổi mẫu mã, tính chất sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường đã tồn tại và phát triển mạnh. Một số nghề mới được du nhập từ Pháp và một số nước khác vào trong thời kỳ này.

Theo Vũ Huy Phúc "Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam 1858-1945", vào thời kỳ này, nghề truyền thống Việt Nam có khoảng 102 phương pháp công nghệ khác nhau, trong đó có 44 loại công nghệ cổ truyền, 42 loại công nghệ mới du nhập và 16 loại công nghệ kết hợp cả cổ truyền và mới du nhập. Các nghề mới xuất hiện và du nhập vào đầu thế kỷ XX điển hình như đồ đan mây, tráng gương bằng bạc, bàn ghế mây, dệt vải màu, đăng ten, mũ cứng, hương thấp, chỉ thêu, làm mảnh mảnh, làm đồ sùng, chế biến trà Tàu, làm đá rải đường, sản xuất bị cói, thảm xơ dừa... Các nghề tiểu thủ công nghiệp tập trung chủ yếu ở Hà Nội và vùng đồng bằng Bắc Bộ (gấp 4 lần vùng Nam Bộ gấp 7 lần vùng Trung Bộ).

Theo P. Gourou, vào thời kỳ này, ở châu thổ sông Hồng người ta đã đếm được khoảng 108 nghề thủ công khác nhau hoạt động. Số người tham gia các ngành nghề ở vùng đồng bằng sông Hồng khoảng 250.000 người, chiếm khoảng 6,8% dân số, nếu tính cả số lao động không chuyên chiếm tới 8%. Tập trung đông nhất là vùng Hà Đông nằm giữa sông Hồng và sông Đáy, số thợ lên tới 65.000 người, bằng 14%, Thanh Oai là nơi tập trung đông nhất, 29% dân số làm nghề. Thái Bình có khoảng 32.000 người, chiếm 6,1% dân số, chủ yếu ven bờ sông Luộc. Nam Định, Hà Nam tập trung dọc hai bờ sông Ninh Cơ. Hải Dương, Hưng Yên có 3 trung tâm nhỏ là Thanh Miện, Ninh Giang và Kim Thành, đông nhất là nghề làm hàng xáo (xay sát thóc gạo). Bắc Ninh có 3 trung tâm công nghệ là vùng Thuận Thành và Gia Bình (tỷ lệ dân số làm nghề chiếm tới 43%), vùng Tiên Sơn và 2 bên sông Cầu (Yên Phong, Quế Võ, Việt Yên). Vĩnh Phúc có vùng gốm Hương Canh. Trong đó có tới 40 làng dệt lụa, 75 làng dệt vải sợi bông, 20 làng đồ gốm. Một số nghề điển hình được P. Gourou sắp xếp thứ bậc quan trọng theo thống kê về số thợ thủ công là:

- . Nghề dệt: 54.200 thợ
- . Nghề chế biến thực phẩm: 54.000 thợ
- . Nghề đan lát: 41.400 thợ

- . Nghề mộc: 31.200 thợ
- . Nghề sản xuất vôi, gạch, ngói, thợ nề: 14.200 thợ
- . Nghề làm giấy, đồ vàng mã: 9.300 thợ. Nghề rèn, đúc, chế tác kim loại: 7.600 thợ
- . Nghề làm cày bừa, nông cụ: 2.900 thợ
- . Nghề gốm: 1.500 thợ
- Tổng số là: 216.300 thợ

Cũng theo P. Gourou, thời kỳ này có ít nhất là 22.000 người thợ thủ công làm trong các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp mới. Trong đó, quan trọng nhất là nghề làm *đăng ten* xuất hiện năm 1901, thu hút 6.000 lao động, đông nhất là ở Hà Đông (khoảng 4.400 thợ). Tiếp đến là nghề *sản xuất bị cói*, xuất hiện vào năm 1902, thu hút khoảng 4.000 người làm, chủ yếu là vùng Thái Bình, hàng năm xuất khẩu được khoảng 7 triệu chiếc...

- Sau Cách mạng tháng Tám: Đặc biệt từ sau hoà bình lập lại (1954) trên miền Bắc cho đến trước thời kỳ đổi mới (1986), các nghề truyền thống Việt Nam đã phát triển, có vai trò hết sức quan trọng thường được gắn với tên làng xã như: gạch Bát Tràng, tranh Đông Hồ, lụa Hà Đông... Với hàng trăm mặt hàng nghề truyền thống đặc sắc đã thể hiện rõ tài năng, trí thông minh sáng tạo trong kỹ thuật truyền thống của ông cha ta. Hàng loạt tổ chức kinh doanh, đơn vị thu mua xuất khẩu hàng tiểu thủ công nghiệp truyền thống ra đời ở hầu khắp các tỉnh ở miền Bắc và cả Trung ương. Mặt hàng nghề truyền thống được tiêu thụ lớn trên thị trường các nước XHCN (trước đây). Sản xuất - kinh doanh nghề truyền thống lúc này thu hút hàng triệu lao động chuyên và không chuyên đủ mọi lứa tuổi. Tuy nhiên thị trường mặt hàng nghề truyền thống xuất khẩu của ta thời kỳ này chủ yếu dựa trên các quan hệ hiệp định tương trợ thương mại giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau, ít chú ý đến chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế. Điều đó đã dẫn đến lối làm ẩu, cầu thả, ít coi trọng tay nghề cao của các nghệ nhân, vô hình tạo ra sức ỳ tâm lý không chịu sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, thay đổi mẫu mã sản phẩm. Mặt khác, thời kỳ này phương thức sản xuất tập thể thống trị và đã biến những người thợ thành xã viên hợp tác xã nông nghiệp với tư cách là thành viên của tổ, đội, hợp tác xã chuyên ngành nghề. Với việc thành lập các tổ đội chuyên ngành nghề của các làng nghề trước kia là *chính* thì vào thời kỳ phát triển hợp tác xã nông nghiệp đã chuyển thành ngành nghề *phụ* bổ sung vào nông nghiệp và phá vỡ kết cấu gia đình trong tổ chức sản xuất nghề truyền thống. Nó đã gây nên sự thất truyền các bí quyết nghề nghiệp ở một số nghề truyền thống đòi hỏi kỹ thuật tinh xảo như dệt gấm, vóc, đúc chuông đỉnh, tượng, gốm sứ chất lượng cao, hoặc nhiều người lại quay trở về với nghề nông. Lớp trẻ không chú ý đến tiếp thu nghề truyền thống nữa. Có thể nói rằng thời kỳ này làng nghề với đúng nghĩa là đơn vị kinh doanh độc lập không còn nữa. Những năm đầu thập kỷ 1980, nghề nói chung, các nghề truyền

thống nói riêng gặp khó khăn lớn, sản xuất bị giảm sút, nhiều nghề bị mai một, suy tàn...

- Thời kỳ đổi mới, đặc biệt từ đầu những năm 1990 trở đi, với chính sách khuyến khích, thúc đẩy mọi thành phần kinh tế phát triển và việc xác lập hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân, giải tỏa nhiều khâu ách tắc trong lưu thông, phân phối, đã làm cho nhiều nghề truyền thống bước vào thời kỳ phát triển mới.

- Một trong những nghề truyền thống và làng nghề truyền thống là Bát Tràng.

Thế kỷ thứ X, Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long. Một số ngành nghề được lệnh vua, làm công việc chuẩn bị. Khi ấy ở Trường Yên có nghề làm gạch. Một người thợ cả thuộc họ Nguyễn quê ở Vĩnh Ninh - Trường Yên (Hoa Lư) đã cắm đất tại Bát Tràng làm nên những viên gạch 30 x 30 x 6-7 cm. Những viên gạch đó đã được làm bằng đất sét chịu lửa đun ở nhiệt độ cao, nó cũng là những viên gạch được xây nền móng nhà dài trên 20m cao từ 0,7 - 1m, rộng trên 60cm, với 2 lượt gạch Bát Tràng được xây dựng đều đặn, thẳng, đỏ au. Cho đến nay không một chút rêu phong, đó chính là gạch Bát Tràng mà chỉ có Bát Tràng sản xuất.

Hầu hết những di sản văn hóa của nước ta đều có mặt gạch Bát Tràng từ Văn Miếu, đền Cổ Loa, đền Gióng đến các cung điện lăng tẩm của Huế...và các vùng nông thôn miền Bắc thì đình, chùa và các nhà khá giả đều có gạch Bát Tràng, nhiều mà bền đẹp nên là sự ước mong của nhiều người, nó đã trở thành câu ca dao:

“Ước gì anh lấy được nàng

Để anh mua gạch Bát Tràng về xây”

Sau gạch đến gốm. Nơi đây đã sẵn có gạch chịu lửa và nghề gốm có tiền đề để phát triển. Theo lệnh vua, 12 cụ từ làng Bát Xát - Bồ Xuyên đã đến Bát Tràng xây dựng những mái lò làm gốm phục vụ cho cung đình và dân sinh. Những người ở Bồ Bát và Trường Yên đã thống nhất và đặt tên làng chính thức là Bát Tràng. Lấy người có công đầu là người họ Nguyễn ở Trường Yên (Nguyễn Ninh Tràng), đến nay dân làng còn ghi nhớ.

Tên làng Bát Tràng được hình thành từ thời Lý, Trần. Khi đem quân đi đánh giặc vua Trần Nhân Tông đã chỉ vào làng Bát Tràng, lúc ấy trên bến dưới thuyền nhộn nhịp và phán rằng: “Đây là bến sông làng Bát” (theo Đại Việt sử ký toàn thư).

Làng gốm Bát Tràng phát triển mạnh mẽ ở thời kỳ Trần Lê, không những được người trong nước ưa chuộng mà còn là mặt hàng bán ra các nước như: Nhật Bản, Indônisia, Hàn Quốc...Gốm Bát Tràng còn được coi là một cống phẩm quý của Việt Nam với các triều Nguyễn Minh (Theo Dư địa chí của Nguyễn Trãi).

Hiện nay những sản phẩm ấy còn được lưu giữ trong Bảo tàng Lịch sử, ngay trên quê hương làng gốm và một số làng xã lân cận. Đặc biệt có những người yêu gốm Bát Tràng hiện đang giữ hàng trăm sản phẩm từ thời kỳ Trần Lê.

Là mặt hàng quý vì nó làm bằng bàn tay, khối óc của người thủ công - từ tạo hình, tạo dáng, đến nét vẽ khắc hoa văn, các loại men từ men đàn - men rạn, men ngà - men lam - men búp dong ... Đặc biệt gốm Bát Tràng mang phong cách riêng biệt của Việt Nam, nó được nung ở nhiệt độ cao, gốm không bị ngấm nước, men không bị thời gian làm mòn. Gốm Bát Tràng sẽ tồn tại mãi bất chấp thời tiết nắng mưa. Một tiến sĩ người Mỹ chuyên gia nghiên cứu về gốm sứ sau khi làm việc gần 3 tháng với các thợ giỏi của Bát Tràng và khi nghiên cứu các đặc tính riêng của gốm Bát Tràng đã kết luận: “Gốm Việt Nam thuộc nhóm I của Thế giới và gốm Bát Tràng đứng đầu ở nhóm I đó” (Tiến sĩ John F.MooNey)

II. Làng nghề truyền thống và nghề truyền thống đã và đang phát triển.

- Nghề gốm, sứ: Đây là nghề truyền thống của người dân xã Bát Tràng huyện Gia Lâm, đã tồn tại trên 600 năm; hiện nay đang rất phát triển và đã lan rộng sang một số xã lân cận như Kim Lan, Đa Tốn...

- Nghề mộc, điêu khắc gỗ, khảm trai: Đang tồn tại và phát triển mạnh tại một số làng nghề như Liên Hà, Vân Hà (Đông Anh). Nghề sản xuất đồ gỗ công nghiệp chất lượng cao đã phát triển từ sau “Đổi mới” đến nay và hiện nay có tiềm năng phát triển mạnh.

- Nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ sử dụng nguyên liệu truyền thống trong nước như song, mây, tre, nứa, lá... đây là những nghề truyền thống từ lâu đời, rất phổ biến tại nhiều làng quê nông thôn trước đây, đến nay vẫn còn một số làng nghề sản xuất nhóm sản phẩm này như Thu Hồng, Kim Lũ (Sóc Sơn). Tuy nhiên, hiện nay giá trị kinh tế mang lại từ các làng nghề này chưa tương xứng với tiềm năng của nó. Các cơ sở sản xuất các sản phẩm này vẫn chưa tìm được hướng đi cho loại sản phẩm này.

- Nghề dệt may: Nghề dệt + may xuất hiện tại nhiều địa điểm ngoại thành Hà Nội, với một số làng nghề truyền thống từ lâu đời nay như may Cổ Nhuế (Từ Liêm), may da Kiều Kỵ (Gia Lâm), dệt sợi Tân Triều (Thanh Trì)... Đây là một nghề có nhu cầu thị trường và đang phát triển nhanh. Ngoài các làng nghề truyền thống, hiện nay đã xuất hiện một số phố nghề mới như khu vực Sài Đồng (Gia Lâm)...

- Nghề chế biến lương thực, thực phẩm: có rất nhiều làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hà Nội tham gia sản xuất trong lĩnh vực này. Nhiều nghề đã rất nổi tiếng như bún Phú Đô, cốm Mê Trì, bánh kẹo Xuân Đình, đậu phụ Mỹ Đình (Từ Liêm), miến dong Hữu Hoà, bánh cuốn Thanh Trì (Thanh Trì). Tuy nhiên, hiện nay các nghề này đang bị cạnh tranh gay gắt bởi các sản phẩm thực phẩm chế biến công nghiệp.

- Nghề cơ - kim khí: Hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội có một số nghề truyền thống chuyên sản xuất các đồ cơ khí, kim khí như rèn ở Xuân Phương, Tây Mỗ (Từ Liêm), một số làng nghề mới như kéo sắt Dục Tú (Đông Anh). Đây là nghề tương đối phù hợp với điều kiện hiện nay. Tuy nhiên các nghề sản xuất nhóm sản phẩm này còn manh mún, hiệu quả chưa cao.

- Nghề thu mua và sản xuất dược liệu: Là một nghề nổi tiếng gắn với tên làng nghề truyền thống Ninh Hiệp (Gia Lâm). Hiện nay trên địa bàn Hà Nội vẫn chỉ có một làng nghề này nhưng tiềm năng phát triển của nghề dược liệu trong xu thế hiện nay tương đối vững chắc.

- Nghề dát quỹ vàng: Là nghề tồn tại lâu năm của làng nghề truyền thống Kiều Kỵ (Gia Lâm); Tuy nhiên đang bị mai một vì khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường và lợi nhuận không cao.

- Nghề đúc đồng: Đây là nghề nổi tiếng của kinh thành Thăng Long xưa, gắn liền với tên tuổi làng nghề truyền thống Ngũ Xã, tuy nhiên đã bị mai một do quá trình đô thị hóa. Hiện nay tại Ngũ Xã chỉ còn lại vài ba nghệ nhân, vài ba gia đình còn sản xuất với quy mô không lớn.

- Nghề kim hoàn: Hiện nay nghề kim hoàn còn tồn tại với quy mô nhỏ tại phố Hàng Bạc (Hoàn Kiếm) với đội ngũ thợ tương đối lành nghề. Thị trường kim hoàn hiện nay rất lớn, tuy nhiên nghề thủ công này đang bị cạnh tranh gay gắt bởi các công nghệ hiện đại với quy mô lớn.

Ngoài ra còn một số nghề phát triển không mạnh như: bện thừng, đan lát, gia công chế biến lại các sản phẩm từ nơi khác... được người lao động tranh thủ lúc nông nhàn.

Theo kết quả điều tra, khảo sát tại thành phố Hà Nội có 44 xã có làng nghề. Nếu tính theo đơn vị thôn, làng và cả một số làng trong phố (trong quá trình đô thị hoá đã là nội thành, các làng nghề truyền thống cũ ở khu vực này được tính gộp vào) là hơn 80 làng có nghề cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1. Danh mục các xã có làng nghề ở ngoại thành Hà Nội

TT	Tên huyện, xã có làng nghề	Ngành nghề chủ yếu
	Tổng số	
I	Gia Lâm	
1	Bát Tràng	Gốm sứ
2	Kim Lan	Gốm sứ
3	Đa Tốn	Gốm sứ
4	Văn Đức	Gốm sứ
5	Đông Dư	Gốm sứ
6	Kiều Kỵ	May da, dát vàng

7	Ninh Hiệp	Chế biến dược liệu
8	Yên Viên	Chế biến giò, chả
9	Dương Quang	Chổi tre, chổi đốt, đan lát
10	Long Biên	Xa dây, dây day
11	Phù Đồng	May
12	Sài Đồng	May
II	Đông Anh	
1	Vân Hà	Điều khắc gỗ, khảm trai
2	Liên Hà	Sơn mài, đồ gỗ phun sơn
3	Dục Tú	Kim khí, cán thép
4	Đông Hội	Mây, tre đan
5	Mai Lâm	Điều khắc đá
		Tranh tre
6	Võng La	Đậu phụ
7	Cổ Loa	Dệt thảm
8	Uy Nỗ	Dệt thảm
III	Từ Liêm	
1	Mễ Trì	Sản xuất bún, cốm
2	Trung Văn	Dây thừng, dây day, dây nhựa
3	Xuân Đình	Bánh kẹo
4	Cổ Nhuế	May
5	Xuân Phương	Rèn
6	Mỹ Đình	Đậu phụ
7	Liên Mạc	Đậu phụ
8	Đông Ngạc	Mây tre đan
9	Tây Mỗ	Gò hàn, cơ khí
10	Đại Mỗ	Dệt
IV	Thanh Trì	
1	Tân Triều	Dệt lông vũ
2	Hữu Hoà	Bánh đa, miến
3	Thanh Trì	Bánh cuốn
4	Đông Mỹ	Sơn mài
5	Đại Áng	Nón lá

6	Liên Ninh	Lồng bàn, đan lát
7	Hoàng Liệt	Bún
8	Đại Kim	Bánh kẹo
9	Định Công	Kim hoàn
10	Thịnh Liệt	Vàng mã
11	Ngũ Hiệp	Vàng mã
12	Duyên Hà	Bánh khúc
V	Sóc Sơn	
1	Kim Lũ	Đan lát rổ, rá
2	Xuân Thu	Bàn tre, trúc

Theo số liệu điều tra nghề và làng nghề Hà Nội cuối năm 2003 của nhóm chuyên gia Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, hiện nay có 30 xã có nghề thủ công nghiệp, trong đó có 10 làng nghề có lịch sử hình thành trên 100 năm, 14 làng nghề từ 30 - 100 năm và 6 làng nghề mới hình thành. Làng nghề tiểu thủ công nghiệp ở Hà Nội đã thực sự có bước đổi mới và phát triển trong 10 năm trở lại đây, bên cạnh các ngành nghề truyền thống đang tiếp tục mở rộng quy mô như gốm sứ Bát Tràng, may da Kiều Ky, chạm khắc gỗ Văn Hà..., có những ngành nghề thu hẹp lại như dát vàng Kiều Ky, thậm chí có ngành nghề mai một, biến mất như giấy sặc Nghĩa Đô, giấy dó Bưởi... tuy vậy đã lại xuất hiện sự phục hưng của các nghề tưởng chừng lãng quên như thêu trướng, thêu cờ phướn Hàng Quạt, vàng mã ở Yên Hoà (Cầu Giấy), đồng thời cũng xuất hiện thêm ngành nghề mới như đồ gỗ phun sơn ở Liên Hà (Đông Anh), có phố làng nghề mới như phố may công nghiệp tại tập thể May 10.

Bảng 2. Phân loại các làng nghề truyền thống và làng nghề mới ở ngoại thành Hà Nội

STT	Làng nghề	Nghề	Đặc điểm nghề
	Gia Lâm		TT (x)
1	Ninh Giang, Ninh Hiệp	Dược liệu	TT
2	Kiều Ky	Dát quỳ, vàng bạc	TT (x)
		May da	TT (x)
3	Yên Viên	Chế biến lương thực	TT (x)
4	Công Đình, Đình Xuyên	Diêm hộp	TT (x)
		Bóc gỗ ván ép	TT (x)
		Tái chế dược liệu	M (x)
5	Kim Lan	Gốm sứ	M (x)
6	Bát Tràng	Gốm sứ	TT (x)

	Từ Liêm		
7	Trung Văn, xã Trung Văn	Dây thừng nhựa	Truyền thống (x)
8	Xuân Đĩnh	Bánh kẹo	TT (x)
9	Phú Thứ, Tây Mỗ	Gò hàn tôn	TT (x)
10	Xuân Phương	Rèn	TT (x)
		Gò tôn, hàn điện	M
11	Cổ Nhuế	May	TT (x)
		Thủy tinh, mộc, dệt	
12	Mê Trì	Bún, bánh cốm	TT (x)
13	Băng Giang, Đông Ngạc	Bắn giang	TT
14	Ngọc Trục, Đại Mỗ	Đan phen	TT (x)
15	Ngọc Cát, Liên Mạc	Đậu phụ	TT (x)
	Thanh Trì		
16	Hữu Hoà	Miến dong, bánh đa	TT (x)
17	Tân Triều	Dệt sợi	TT (x)
		Chế biến lông vũ	TT (x)
		Tái chế nhựa	TT (x)
18	Vạn Phúc	Mây tre đan, vàng mã	TT (x)
19	Thanh Trì	Bánh cuốn	TT
20	Đại Kim	Bánh kẹo	TT (x)
21	Định Công	Mỹ nghệ	TT (x)
22	Hoàng Liệt	Bún	TT (x)
	Đông Anh		TT (x)
23	Mạnh Tràng, Cổ Loa	Bún	TT (x)
		Gỗ, sản xuất cơ khí, may mặc	TT (x)
24	Võng La	Đậu	TT (x)
25	Viên Nội, Vân Nội	Đan lát	TT (x)
26	Thụy Hà, Bắc Hồng	May thủ công	TT (x)
27	Liên Hà	Mộc	TT (x)
28	Vân Diên, Vân Hà	Mộc	TT (x)
29	Thiệt Bình, Vân Hà	Mộc	TT (x)
	Sóc Sơn		TT (x)
30	Thu Thủy, Xuân Thu	Tre trúc	TT (x)

		Đúc Xoong	TT (x)
31	Kim Lũ	Đan lát	TT (x)

III. Phân loại một số làng nghề theo các nhóm sau:

* Các làng nghề truyền thống có tiềm năng phát triển mạnh.

- Làng nghề gốm sứ Bát Tràng (Gia Lâm): Là làng nghề truyền thống với hơn 600 năm hình thành và phát triển, đã trải qua nhiều thăng trầm và đến nay vẫn phát triển mạnh mẽ. Sản phẩm của làng rất có uy tín không những tại Hà Nội mà khắp cả nước và bắt đầu có uy tín trên thị trường của một số nước khu vực Châu Á. Hiện nay 100% dân cư trong làng đều tham gia sản xuất và đã hình thành các doanh nghiệp tư nhân, Công ty trách nhiệm hữu hạn... Bát Tràng hiện có những nghệ nhân, có Hiệp hội gốm sứ với nhiều hoạt động phong phú nhằm thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của làng nghề.

- Làng nghề thu mua và chế biến dược liệu Ninh Hiệp (Gia Lâm): Với loại hình sản phẩm đặc thù là sản xuất dược liệu, làng nghề Ninh Hiệp đã tồn tại và phát triển mạnh qua nhiều thời kỳ. Hiện nay thị trường tiêu thụ sản phẩm dược liệu rất lớn, riêng tại Hà Nội đã có một dãy phố tiêu thụ sản phẩm của làng (Phố Lãn Ông). Người dân trong làng làm nghề từ đời này sang đời khác và đã có uy tín lớn trong nghề. Trong tương lai nghề sản xuất dược liệu vẫn có tiềm năng phát triển mạnh. Tuy nhiên, việc quản lý chất lượng sản phẩm đang là vấn đề cần đặt ra đối với làng nghề này.

- Làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ Liên Hà, Văn Hà (Đông Anh): Với nghề truyền thống là sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, nay có thêm nghề mới là gỗ phun sơn. Hà làng nghề này có tiềm năng phát triển tương đối lớn. Sản phẩm của làng nghề đã có uy tín và có thị trường trong cả nước, thậm chí đã xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Làng nghề có nhiều thợ tay nghề cao và tỷ lệ người thợ trong làng nghề ngày một nhiều với sản phẩm ngày càng phong phú, đa dạng và đạt chất lượng cao.

- Làng nghề may có truyền thống Cổ Nhuế (Từ Liêm), may Sài Đồng (Gia Lâm): Hiện nay thị trường sản phẩm may mặc được đánh giá là rất nhiều tiềm năng. Với lợi thế là các hộ sản xuất nhỏ, các làng nghề may nhạy bén, linh hoạt theo yêu cầu của thị trường may mặc nên ngày càng phát triển mạnh mẽ.

- Làng nghề rèn Xuân Phương (Từ Liêm): Đây là làng nghề truyền thống lâu đời, trước đây đã có những bước phát triển mạnh mẽ, sản phẩm chủ yếu là những đồ gia dụng và công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, có một số hộ sản xuất có mặt bằng lớn, có vốn đã mạnh dạn áp dụng máy móc tiên tiến để gia công các phụ kiện cho các ngành công nghiệp như sản xuất phụ tùng xe đạp, xe máy, đồ sắt mỹ nghệ... Tuy nhiên do đặc điểm sản xuất xen lẫn khu dân cư nên vấn đề môi trường, tiếng ồn đang đặt ra cần được giải quyết sớm đối với làng nghề này.

* Về các phố nghề

Có thể phân chia phố nghề ra làm hai loại như sau:

- *Các phố nghề cũ*: Đây là phố có nhiều hộ sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong nội thành Hà Nội. Trước đây, những phố nghề này rất phổ biến, tập trung chủ yếu tại khu vực 36 phố phường với những nghề thủ công nổi tiếng gắn liền với tên phố như phố Hàng Hòm sản xuất hòm, phố Hàng Bạc chế tác vàng bạc, phố Lò Rèn sản xuất các sản phẩm kim khí.

Hiện tượng biến mất các phố nghề chuyên sản xuất mà chuyển thành phố thương mại hoặc chuyên kinh doanh là xu hướng tất yếu khách quan của cuộc sống khu vực thành thị Hà Nội.

- *Các phố nghề mới*: Đây là khái niệm chỉ các phố được hình thành một cách tự phát “trong lòng” các làng nghề truyền thống và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, đặc biệt ở khu vực ven đô. Tại Hà Nội, đã có nhiều phố nghề tương đối sâu uất như phố Cổ Nhuế của làng nghề may Cổ Nhuế, phố Bát Tràng của làng nghề gốm sứ Bát Tràng, phố nghề Sài Đồng... các phố nghề này đa số có nguồn gốc từ trục giao thông chính của một làng nghề, mà tại đó người dân vừa sản xuất vừa kinh doanh sản phẩm của họ.

- Sản phẩm của các làng nghề là sản phẩm thủ công nghiệp, vừa có giá trị kinh tế, vừa có giá trị văn hóa truyền thống riêng. Các làng nghề ngoại thành hiện nay phát triển tập trung vào 6 nhóm sản phẩm chủ yếu:

+ Sản phẩm gốm sứ tập trung chủ yếu ở 5 xã: Bát Tràng, Kim Lan, Đa Tốn, Đông Dư, Văn Đức huyện Gia Lâm. Hiện nay đã lan sang cả một số xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Khu vực này đang phát triển thành vùng gốm sứ.

+ Sản phẩm dệt may tập trung ở 6 xã: Dệt ở Tân Triều (Thanh Trì), Đại Mỗ (Từ Liêm); May da Kiều Kỵ, may công nghiệp Sài Đồng, Phù Đồng (Gia Lâm), Cổ Nhuế (Từ Liêm).

+ Sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ sản xuất từ nguyên liệu truyền thống trong nước như mây, tre, nứa, lá... có 12 xã. Tiêu biểu cho nhóm sản phẩm này là: mây tre đan Đông Hội, tranh tre trúc Mai Lâm, đồ dùng gia đình bằng mây tre, đan lát Xuân Thu.

+ Sản phẩm chế biến từ lương thực, thực phẩm tập trung ở 11 xã, phát triển chủ yếu ở hai huyện Từ Liêm và Thanh Trì. Có nhiều sản phẩm nổi tiếng gắn liền với tên các làng nghề như bún Phú Đô, cốm Mễ Trì, bánh kẹo Xuân Đình, miến bánh đa Hữu Hoà, bún Tứ Kỳ, bánh cuốn Thanh Trì.

+ Nghề cơ, kim khí ở các xã Xuân Phương, Tây Mỗ (Từ Liêm), Dục Tú (Đông Anh).

+ Sản xuất đồ gỗ, điêu khắc gỗ, khảm trai ở Văn Hà, Liên Hà (Đông Anh).

Một số làng nghề truyền thống với các sản phẩm vừa có giá trị kinh tế vừa là sản phẩm có giá trị văn hóa. Qua thời gian, các sản phẩm của làng nghề là kết tinh của những kinh nghiệm kỹ thuật tạo sản phẩm, kết tinh của văn hóa cộng

đồng địa phương và chính vì thế sản phẩm của mỗi làng nghề truyền thống đều có những đặc trưng riêng mà không đâu có được. Tuy trong cả nước có nhiều địa phương cũng có những làng nghề sản xuất những sản phẩm cùng loại với sản phẩm của các làng nghề khác, nhưng sản phẩm của mỗi làng nghề đều có những sắc thái riêng, không trộn lẫn. Sản phẩm gốm sứ của Quảng Ninh không thể lẫn với gốm sứ Bát Tràng; không thể lẫn đồng Đại Bái, Bắc Ninh với đồng Ngũ Xá Hà Nội. Chính những giá trị văn hoá trong mỗi sản phẩm đã tạo nên tính đặc thù cho các sản phẩm làng nghề khác với các sản phẩm công nghiệp, tạo ra lợi thế trong cạnh tranh với các sản phẩm công nghiệp cùng loại.